

ĐẠO ĐỨC SINH THÁI TRONG TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO

Phạm Công Nhất*

Tóm tắt

Dựa trên các học thuyết triết học căn bản như: Thuyết duyên khởi, Thuyết vạn vật bình đẳng, Thuyết nhân quả báo ứng, v.v.. mà Phật giáo đã xây dựng nên các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức sinh thái căn bản như thực hiện lối sống thân thiện với môi trường, khơi dậy Phật tính, tránh xa sân hận, tạo dựng nghiệp thiện, tránh xa nghiệp ác và nhận thức cuộc đời là vô ngã, vô thường, v.v.. Điều này đã có một ý nghĩa rất lớn không chỉ đối với bản thân Phật giáo mà còn đối với sự nghiệp giáo dục đạo đức sinh thái của nhân loại trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: triết học, duyên khởi, nhân quả, Phật giáo, sinh thái, đạo đức.

1. Đặt vấn đề

Khi bàn về đạo đức sinh thái tưởng chừng như đó là vấn đề của đời sống xã hội hiện đại nhưng thực ra nó lại có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử phát triển của các học thuyết tư tưởng, các tôn giáo. Cũng giống như nhiều tôn giáo lớn trên thế giới, Phật giáo quan tâm đến đạo đức sinh thái không phải là một nhận thức tiên tri đi trước thời đại mà nó thực chất là một phần giáo lý của tôn giáo này trong quan niệm về thế giới, về nhân sinh mà ở đó việc đặt ra và tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực của đạo đức sinh thái như là một trong những giải pháp nhằm giúp mỗi chúng sinh tự tìm thấy con đường đi đến “giải thoát”. Bài viết này muốn xuất phát từ các quan niệm triết học căn bản của Phật giáo phân tích các nguyên tắc, các chuẩn mực của đạo đức sinh thái Phật giáo và ý nghĩa của việc nghiên cứu và nhận thức những vấn đề trên trong bối cảnh hiện nay.

2. Những cơ sở triết học hình thành đạo đức sinh thái của Phật giáo

Phật giáo là một hệ thống tư tưởng có tính nhân loại, vượt qua địa vị nhân loại, tìm kiếm giá trị giải thoát tinh thần và chứa đựng nhiều tư tưởng triết học để từ đó hình

thành nên các nguyên tắc và chuẩn mực của đạo đức sinh thái rất phong phú. Những tư tưởng triết học đó được hình thành trên các luận thuyết chủ yếu của Phật giáo, như: Thuyết *Duyên khởi*, thuyết *Vạn vật bình đẳng* và thuyết *Nhân quả - Báo ứng*...

Thuyết *Duyên khởi* (pratīyasamutpāda) hay còn gọi là thuyết *Duyên sinh* hay cũng còn được gọi là thuyết *Thập nhị nhân duyên* (tức thuyết *Nhân đết* trong *Tứ diệu đế*) là hệ thống lý luận căn bản của Phật giáo thể hiện cách nhìn sâu sắc về vũ trụ và nhân sinh. Quan niệm về *Duyên khởi* xuất phát từ quan điểm của Đức Phật cho rằng: toàn thế giới là một chỉnh thể thống nhất chặt chẽ bởi các mối quan hệ chòng chéo, kháng khí không thể chia cắt. Cái này là duyên để cái kia tồn tại, vạn vật trong thế giới này vì thế mà tồn tại đa dạng và sống động. Nếu chẳng may một cái mất đi sẽ kéo theo sự mất đi hoặc biến đổi hoặc xáo trộn của cái khác. Như vậy, mỗi quan hệ giữa con người và thiên nhiên là mối quan hệ cộng sinh, cùng sinh tồn và phát triển. Nếu chẳng may một bên bị suy vong thì tất cả đều chịu ảnh hưởng. Thế giới của vạn vật tuy đa dạng, phong phú nhưng tất cả đều tồn tại trong mối quan hệ cùng nương tựa lẫn nhau, cùng tác dụng lẫn nhau. Sự tồn tại của chúng vừa là nguyên nhân của nhau nhưng cũng đồng

* PGS TS, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

thời vừa là kết quả của nhau. Mỗi sự vật, hiện tượng tồn tại trên thế gian đều do các nguyên nhân hoặc điều kiện nhất định mà hình thành.

Trong kinh Tạp ahàm (*Samyuktāgama*), quyển 10 của Phật giáo đã thuyết minh điển hình tư tưởng *Duyên khởi* nói: “*Nếu cái này có, cái kia có, do cái này sanh, cái kia sanh, nếu cái này không có, cái kia không có, do cái này diệt, cái kia diệt...*”¹. Vạn vật đều do *Duyên khởi* mà thành. *Duyên khởi* vừa là điểm bắt đầu nhưng cũng là điểm cuối cùng của hành trình đi đến “Giải thoát”. Nhưng điều quan trọng bậc nhất trong *Duyên khởi* là nói lên sự tồn tại trong mối liên hệ phụ thuộc giữa con người với xã hội và tự nhiên. Từ học thuyết *Duyên khởi* có thể thấy cá nhân, nhân loại, xã hội đều không thể tồn tại độc lập mà là tồn tại trong mối quan hệ tương quan chặt chẽ với thiên nhiên. Làm tổn hại thiên nhiên chính là làm tổn hại bản thân nhân loại; phá hoại thiên nhiên chính là phá hoại sự tồn tại của bản thân nhân loại. Từ đó Phật giáo rút ra những chỉ giáo cần thiết đối với chúng sinh: “làm sao ngăn ngừa sự phá hoại sinh thái do con người gây ra, làm sao duy trì, bảo vệ sự cân bằng sinh thái bình thường, làm sao hoàn thiện điều kiện tương quan, nhân tố có lợi nâng cao sinh thái, là trách nhiệm quan trọng nhất của con người, cũng chính là trách nhiệm quan trọng nhất để nhân loại bảo hộ bản thân” [4, tr 135-172].

Thuyết vạn vật bình đẳng: Ra đời trong bối cảnh xã hội Ấn Độ cổ đại vốn bị phân chia thành các đẳng cấp khác nhau hết sức ngặt nghèo nên Phật giáo cũng như nhiều tôn giáo ở Ấn Độ lúc bấy giờ đều đề

cao về mối quan hệ bình đẳng giữa người với người trong xã hội. Tuy nhiên, Phật giáo đã đi xa hơn đối với các tôn giáo khác ở chỗ mở rộng quan niệm mối quan hệ bình đẳng không chỉ giữa những con người với nhau mà xét đến cùng là mối quan hệ tồn tại bình đẳng trong thế giới vạn vật với nhau trong đó hẳn nhiên là có con người. Quan niệm về bình đẳng của Phật giáo ở đây không chỉ hướng con người bó hẹp sự nhận thức và hành động trong lĩnh vực nhân sinh quan mà còn mở rộng sang lĩnh vực vũ trụ quan rộng lớn. Phật giáo cho rằng: thế giới vạn vật vốn là một thể thống nhất. Mọi vật tồn tại trong thế giới này vốn có địa vị bình đẳng như nhau, không sang, không hèn, không cao, không thấp. Tuy nhiên, do “duyên nghiệp” mà mỗi một trong số đó đã bị “luân hồi” sang các kiếp khác nhau. Đời sống của mỗi sự vật, hiện tượng trong từng “kiếp” (kể cả đời sống ở kiếp người) bao giờ cũng là tạm thời, thoáng hoặc như gió thổi, mây bay... Trong vòng xoay của tạo hóa, vạn vật vận động chuyển hóa vừa là nguyên nhân của nhau, vừa là kết quả của nhau theo các quy luật của luân hồi “Sinh - trụ - dị - diệt” hoặc: “Thành - trụ - hoại - không” nên vạn vật dù cao hay thấp đều trở nên cần thiết cho nhau. Vai trò, vị trí của mỗi một vật, một kiếp trong thế giới này do đó trở nên bình đẳng với nhau, không cao, không thấp, không sang, không hèn. Đức Phật nói rằng: “Tất cả mọi người trong trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đến nước và tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch. . . tất cả những người trong trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mỗi lửa, rồi lấy đũa mà đũa cho phát ra lửa và cháy lớn lên” [2,

¹Lý *Duyên khởi* (Trung Bộ Kinh, Kinh 115, Bahudhatuka Sutta) - Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu

tr.447]. Còn Namennais² lại viết: “Tạo hóa không sinh ra ai sang, ai hèn, ai thầy, ai tớ, ai vua, ai tôi cả. Tạo hóa sinh ra toàn những con người bình đẳng thôi” [2, tr.106]. Từ đó, Phật giáo khuyên chúng sinh thực hành lối sống từ bi, không tranh đoạt và làm tổn hại đến môi trường xung quanh, lối sống thiện lương, không sát sinh cũng là xuất phát từ triết lý vạn vật bình đẳng như đã phân tích ở trên.

Thuyết nhân quả báo ứng: Đây là một trong những lý thuyết căn bản của triết học Phật giáo về nhân sinh quan. Thuyết nhân quả báo ứng xuất phát từ một trong những nội dung của *Tứ diệu đế* luận về nhân duyên, trên cơ sở đó Phật giáo đi sâu phân tích về mối quan hệ nhân - quả trong vòng xoay luân hồi của vạn vật. Theo Phật giáo, vạn vật hình thành, tồn tại, phát triển và chuyển hóa (luân hồi) đều có nguyên nhân của nó. Nguyên nhân là cái tạo ra kết quả. Nhưng mỗi nguyên nhân có thể sinh ra nhiều kết quả tùy từng điều kiện nhất định (tức là tùy duyên). Quy luật nhân – duyên - quả (còn gọi là nhân duyên) là quy luật khách quan trong thế giới vạn vật trong đó có con người. Cũng theo Phật giáo, cuộc đời mỗi con người từ lúc sinh ra cho đến lúc trưởng thành và mất đi là cả một “nhân duyên”. Nhân duyên đó không phải là sự ngẫu nhiên mà là kết quả tất yếu của những tác động từ luật nhân quả (còn gọi là Nghiệp). Nghiệp của mỗi người gặp phải trong đời có thể là “nghiệp xấu” (cuộc đời gặp nhiều bất trắc, kém an toàn) hoặc “nghiệp tốt” (cuộc sống gặp nhiều thuận lợi, hanh thông). Con người tạo ra “nghiệp” của chính mình nhưng những tác động của nghiệp (báo hoặc quả báo) đến cuộc đời thực của mỗi người lại khá phức tạp, có khi

trực tiếp có khi lại gián tiếp. Chẳng hạn như đời này tạo ra “nghiệp” nhưng rất có thể “nghiệp” đó lại thể hiện ra kết quả và tác động đến con cháu đời sau. Nói một cách đơn giản, “nhân quả báo ứng” chính là làm thiện được quả báo thiện, còn làm các điều ác bị quả báo ác. “Luật nhân quả” chính là phương thức, qui tắc cùng định luật cố định của nhân quả báo ứng, nó ứng nghiệm cho bất kỳ ai không kể thân sơ, sang giàu hay hèn kém. Do vậy, Phật giáo khuyên chúng sinh sống ở đời cần phải có trách nhiệm trong từng ý nghĩ, lời nói và hành động. Nếu chúng ta không tin nhân quả, ta sẽ sống vô ý thức, thiếu trách nhiệm, chỉ biết tham lam ích kỷ để làm tổn thương người khác. Tuy nhiên, trên thực tế cũng theo Phật giáo, nhân quả nghiệp báo tốt xấu sẽ đến sớm hay muộn là tùy theo duyên nhưng nếu sống ở đời mỗi lời nói hay việc làm của chúng ta dù vô tình hay cố ý đều có thể tạo ra nghiệp. Đã có nghiệp thì ắt sinh ra quả báo. Chúng ta hãy sợ hãi quả báo xấu trong đời này để biết cách tránh xa những điều tội lỗi, hay làm các việc thiện ích vì tình người trong cuộc sống. Một người sống tốt không làm tổn hại ai, một gia đình hoàn thiện về nhân cách đạo đức thì xã hội sẽ phát triển ổn định một cách bền vững và lâu dài.

3. Các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức sinh thái của Phật giáo

Từ các cơ sở lý luận triết học như đã phân tích trên đây, Phật giáo là một trong số ít các tôn giáo trên thế giới ngay từ khi mới xuất hiện đã đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về đạo đức sinh thái. *Đạo đức sinh thái Phật giáo là hệ thống các quan niệm và nhận thức được hình thành trên cơ sở giác ngộ về những chân lý của Phật giáo về các thuyết nhân khởi, Nhân quả - Báo ứng và sự tồn tại bình đẳng để từ đó định ra các nguyên tắc ứng xử, các chuẩn mực về hành*

² Linh mục, nhà triết học, nhà lý luận chính trị Pháp (1782-1854)

vi trong lối sống hài hòa, cân bằng giữa con người với con người và giữa con người với tự nhiên. Như vậy, khi nói tới đạo đức sinh thái Phật giáo chúng ta thường đề cập tới một số nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức cơ bản sau đây:

Một là, nguyên tắc thực hiện lối sống thân thiện với môi trường và đề cao chuẩn mực đạo đức hiếu sinh, không sát sinh. Như đã phân tích Phật giáo cho rằng vạn vật dù nhỏ bé hay to lớn nhưng một khi đã sinh ra và tồn tại trong thế gian đều có vai trò, vị trí bình đẳng như nhau. Cuộc sống của muôn loài là một sinh thái đa dạng, vừa mang tính độc lập, cá biệt nhưng cũng vừa phụ thuộc lẫn nhau. Đó cũng là lý do Phật giáo đề ra nguyên tắc thực hiện lối sống thân thiện với môi trường, phải đặt cuộc sống của mỗi cá nhân nằm trong mối liên hệ với các cá nhân khác. Do đó, phải lấy lối sống hiếu sinh, thân thiện với muôn loài thay cho lối sống ích kỷ, hiếu sát hủy diệt môi trường như Đức Phật thường dạy: “Người Phật tử không được hoặc tự mình giết, hoặc bảo người giết, dùng phương tiện giết, khen tặng sự giết, thấy giết mà tùy hỷ, nhìn đến dùng bùa chú để giết, vân vân, phạm tất cả các loài hữu tình có mạng sống, đều không được cố ý giết chúng”³. Hoặc: “Thường sinh tâm sát hại, càng tăng trưởng nghiệp khổ,, mãi xoay vần trong sinh tử, không có ngày ra khỏi” (Kinh Lăng Già)⁴.

Nhân loại hiện nay đang đứng trước những thách thức về môi trường mà một trong những nguyên nhân lại xuất phát từ những hành động của con người qua bao thế hệ chồng chất lại. Loài người đã và đang chứng kiến sự thay đổi của hệ

thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định từ tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Trong những năm gần đây, sự thay đổi khí hậu đã và đang diễn ra hết sức gay gắt với hiện tượng nóng lên toàn cầu. Chưa bao giờ loài người lại đứng trước rất nhiều khó khăn, thử thách đặc biệt là những khó khăn và thử thách từ sự thay đổi dẫn đến khủng hoảng môi trường và những tác động tiêu cực của nó đến cuộc sống của chính con người như hiện nay. Tất cả đang đe dọa nghiêm trọng tới sức khỏe và sự an toàn của cả nhân loại. Con người thường tự hào về khả năng chinh phục tự nhiên của mình nhưng với sự biến đổi khí hậu cực đoan như hiện nay thì đây rõ ràng là một sự tự hào thái quá như Ph.Ăngghen từng nói: “Chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với tự nhiên. Bởi vì mỗi lần chúng ta đạt được thắng lợi là mỗi lần tự nhiên trả thù lại chúng ta” [1, tr.654].

Con người đã tạo ra sự thay đổi bất thường này nên khi giải quyết nó cũng phải xuất phát từ chính con người. Con người cần phải nhận thức lại và phải tìm ra được các giải pháp tốt nhất để giải quyết mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong bối cảnh hiện nay. Theo quan niệm Phật giáo, con người không phải là chủ thể trung tâm của thế giới nên con người không thể có được đặc quyền muốn cải tạo và biến đổi môi trường theo ý mình. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên phải là mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Cần phải biết quý trọng, bảo vệ, giữ gìn, vun đắp cho môi trường sống thì con người mới có thể tồn tại lâu dài được. Đây không chỉ là triết lý mà còn là những bài học về đạo đức môi trường của Phật giáo dù đã ra đời cách đây

³ Dẫn theo: <https://thuvienhoasen.org/a11554/20-gioi-khong-sat-sinh>

⁴ Dẫn theo:

<http://daibaohapmandalataythien.org/ly-do-va-loi-ich-cua-viec-giu-gin-ngu-gioi-trong-dao-phat>

trên 2500 năm nhưng cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Hai là, khơi dậy Phật tính, tránh xa sân hận. Khái niệm “Phật tính” ở đây cần được hiểu là tính thiện lương hay lòng trắc ẩn, thái độ khoan dung vốn có của con người. Theo Phật giáo, vạn vật sinh ra và tồn tại trong thế giới vốn nằm trong mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Nhìn bề ngoài, mỗi người mỗi kiếp tuy có khác nhau nhưng về cơ bản giữa chúng đều có những đặc điểm chung ẩn chứa bên trong là tính thiện lương hay còn gọi là Phật tính. Chính yếu tố Phật tính, cái tàng chất ở bên trong mỗi một con người, mỗi một sự vật đã làm cho vạn vật tuy khác nhau nhưng lại gần gũi và bình đẳng với nhau. Do đó, Phật tính chính là sợi dây gắn kết cuộc sống giữa con người với con người, giữa con người với vạn vật. Phật tính chính là mục tiêu để con người hướng đến một lối sống nhân ái và từ bi như Đức Phật vẫn thường dạy: “Chúng ta mỗi loài tuy thân hình khác nhau, mà vẫn đồng một Phật tính. Phật tính đã bình đẳng thì không thể viện lý do gì để nói rằng Phật tính ở người giá trị hơn ở vật, ở giai cấp này màu da này giá trị hơn giai cấp kia màu da kia”⁵. Tuy nhiên, cũng theo Phật giáo, Phật tính vốn là tiềm năng sẵn có trong mỗi người nhưng để khơi dậy được tiềm năng đó cũng không hề dễ dàng. Lý do là dù mỗi người đều mang tiềm năng Phật tính nhưng trong cuộc sống trần tục con người đôi khi còn chịu sự ràng buộc bởi những sân hận (sự tác động qua lại giữa danh và sắc nên dẫn tới tham, sân, si...). Chính yếu tố sân hận này khi phát triển đến mức thái quá có thể trở thành vật cản, che lấp tính thiện

lương, lòng trắc ẩn của mỗi người đã làm cho cái xấu, cái ác cũng từ đó mà ra. Cũng từ quan niệm đó, Phật giáo cho rằng để khơi dậy được Phật tính, đồng thời tránh xa được sân hận thì mỗi người không có cách nào khác là phải lấy sự khoan dung cùng với tình yêu thương vô điều kiện giữa bản thân với muôn loài làm cứu cánh như Đức Phật thường nói với đệ tử của mình: “Không có lý do gì để thân thiện với người này và thù địch với kẻ khác. Tất cả mọi người đều bình đẳng như nhau, vì ai cũng đều muốn hưởng hạnh phúc an lạc và không ai thích bệnh tật khổ đau. Do đó, chúng ta phải đối xử với mọi người bằng tình thương không phân biệt” [3, tr.167]. Với Phật giáo, vạn vật trong thế giới (không chỉ riêng ở con người) đều có quyền tồn tại ngang nhau, không phân biệt cao thấp, sang hèn. Tuy nhiên, do khác nhau về đặc tính, hình dạng cũng như cấu trúc nội dung và phương thức vận động nên không tránh khỏi có sự mâu thuẫn về lợi ích. Đỉnh điểm của sự mâu thuẫn có thể tạo ra xung đột giữa các bên. Do đó, cách giải quyết mâu thuẫn, giải quyết xung đột tốt nhất là khơi dậy Phật tính, tránh xa sân hận, lấy việc hòa giải, nhường nhịn lẫn nhau thay vì sự cố chấp, tranh đoạt và coi đó như là một trong những chuẩn mực đạo đức căn bản của chúng sinh trên con đường tìm kiếm sự “giải thoát” cho bản thân và cộng đồng. Do đó, việc mở lòng từ bi, yêu thương muôn loài không kể thân sơ, cao thấp, không kể sang trọng hay thấp hèn phải trở thành một trong những chuẩn mực căn bản trong đạo đức sinh thái mà mỗi chúng sinh cần tự giác thực hiện như lời răn dạy của Đức Phật trong kinh Từ Bi: “...Hãy đem an vui đến cho muôn loài; Cầu chúng sinh thấy đều an lạc; Không bỏ sót một hữu tình nào; kẻ ốm yếu hoặc người khỏe mạnh; Giống lớn to hoặc loại dài cao; Thân trung bình hoặc

⁵ Chương trình phát thanh Phật giáo, Bài 20: *Giới không sát sinh*. Thư viện Hoa sen (<http://thuvienhoasen.org/a11554/20-gioi-khong-sat-sinh>)

ngắn, nhỏ, thô; Có hình tướng hay không hình tướng; Ở gần ta hoặc ở nơi xa; Đã sanh rồi hoặc sắp sanh ra; Cầu cho tất cả đều an lạc...”⁶ Khởi dậy Phật tính, tránh xa sân hận trong mỗi người do đó đã trở thành một trong những nguyên tắc đạo đức quan trọng của Phật giáo trong việc nhận thức và ứng xử mối quan hệ giữa người với người, giữa con người với thế giới tự nhiên.

Ba là, tạo dựng nghiệp thiện, tránh xa nghiệp ác. Với Phật giáo số phận cuộc đời của mỗi con người hay bản thân mỗi một sinh vật không phải là một hằng số luôn được an bài định sẵn mà trái lại do chính con người hay sự vật đó tạo ra theo quy luật *Nhân quả - Báo ứng*. Cố nhiên, từ nguyên nhân dẫn tới kết quả là cả một quá trình phức tạp, nhiều chiều không nhất định cứ diễn ra theo đường thẳng mà trái lại có khi quanh co, khúc khuỷu do có sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau. Ở những con người và sự vật khác nhau đều có chuỗi các nguyên nhân dẫn đến kết quả khác nhau. Nhưng cho dù khác nhau đến mấy thì Phật giáo vẫn tin rằng: nếu có nguyên nhân nhất định sẽ dẫn đến kết quả; nguyên nhân nào sẽ cho ra kết quả ấy. Quy luật Nhân quả do đó theo Phật giáo sẽ thể hiện thành quy luật thiện ác theo nguyên tắc: “Ác giả ác báo, thiện giả thiện lai!”. Khi Nhân quả được hình thành sẽ tạo ra một kết quả chung gắn với cuộc đời của mỗi người hay sự vật gọi là “Nghiệp”. Nghiệp là kết quả của một chuỗi của sự tác động nhân- quả nhưng nghiệp cũng tạo ra quả báo trong tương lai. Quả báo khi đủ nhân duyên sẽ làm chúng sinh tái sinh vào một cuộc đời, một hoàn cảnh nhất định, một điều kiện sống cụ thể, nhưng hành

động của chúng sinh trong cuộc đời đó vẫn có sự tự do và dựa theo nhận thức của chúng sinh đó. Hành động do chúng sinh lựa chọn thực hiện sẽ tạo ra nghiệp mới và quả báo mới như Đức Phật thường nói: “Ác nghiệp chính do mình tạo, tự mình sinh ra. Ác nghiệp làm hại kẻ ngu dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch... Làm dữ bởi ta, mà nhiễm ô cũng bởi ta; làm lành bởi ta, mà thanh tịnh cũng bởi ta. Tịnh hay không tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được”[6]. Nghiệp theo Phật giáo có hai loại: gồm nghiệp tốt (hay nghiệp thiện) và nghiệp xấu (hay nghiệp ác hay nghiệp khổ). Một nghiệp tốt có thể mang lại kết quả tốt trong một sự tái sinh, là cơ hội để thoát khỏi vòng luân hồi. Trái lại nếu gặp phải nghiệp xấu (theo Phật giáo: dù nghiệp tốt hay nghiệp xấu cũng đều do con người tự tạo ra) có thể mang lại kết quả xấu trong một sự tái sinh, cuộc đời còn bé tắc trong kiếp luân hồi như lời dạy của Đức Phật: “Người thường sanh tâm sát hại, càng tăng trưởng nghiệp khổ, mãi xoay vần trong sanh tử, không có ngày ra khỏi” (Kinh Lăng già)⁷.

Từ những sự phân tích trên đây cho thấy tư tưởng “Tạo nghiệp tốt, tránh xa nghiệp ác” do đó trở thành một trong những nguyên tắc đạo đức sinh thái phổ biến của Phật giáo để thực hành một lối sống thân thiện của chúng sinh trên con đường diệt khổ. Có nhiều cách để “tạo nghiệp tốt, tránh xa nghiệp ác” nhưng theo Phật giáo cách tốt nhất là thực hiện “Thập thiện” và “Ngũ giới”. Thập thiện là 10 việc thiện được thực hiện qua hành động (thân), lời nói (khẩu) và suy nghĩ (ý). Trong đó có 3

⁶ Theo Nguyễn Thị Trang: “Phật giáo với bảo vệ môi trường” (<http://chuaxaloi.vn/tin-tuc/tq1-phat-giao-voi-bao-ve-moi-truong/610.html>).

⁷ Dẫn theo: <http://thientongvietnam.net/kinhsach-thike/tk-02/Phathocphothong/unicode/phathocphothong-1e.htm>

quy định cho hành động (thân) gồm: Không sát sinh, không đạo chích và không tà dâm; 4 quy định cho lời nói (khẩu) gồm: Không nói dối, không nói nước đôi (nói hai chiều), không nói lời độc địa và không nói lời phù phiếm; 3 quy định dành cho suy nghĩ (ý) gồm: không có ý nghĩ ham muốn (không tham dục), không giận dữ, buồn bực và không si mê, lảm lạp. Ngũ giới là 5 điều răn không được làm của hàng tu sĩ tại gia mà Phật tử xin phát nguyện thọ lĩnh 5 giới này (Giới: là hàng rào ngăn cấm những việc xấu của thân, khẩu, ý). Ngũ giới gồm: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu, không vọng ngôn (không nói càn, bừa bãi).

Cũng theo Phật giáo, các quy định về ngũ giới, thập thiện trên thực tế chỉ là những những chuẩn mực đạo đức bước đầu cho chúng sinh thực hiện trong đời sống thường ngày để tạo nghiệp tốt, tránh xa nghiệp ác và cũng là bước khởi đầu trên con đường đi đến giải thoát nhưng muốn giải thoát thực sự thì mỗi chúng sinh cần phần đầu gạt bỏ vô minh hướng tới nhận thức và thực hành trọn vẹn “tứ diệu đế” đó là điều kiện cần và đủ để ai cũng có thể đạt tới sự cảnh giới của Niết bàn.

Bốn là, nhận thức cuộc đời là vô ngã, vô thường. Trong kinh Upanisad của đạo Bà la môn thường bàn đến sự tồn tại và luận giải về mối quan hệ giữa Đấng tối cao (Brahman) với con người, vạn vật cụ thể (Atman) trong đó xác quyết: vạn vật trên cõi đời này (Atman) đều được sinh ra bởi Đấng tối cao (Brahman). Trong khi đó, khi luận giải về nguồn gốc của thế giới, Phật giáo đã phủ nhận mối quan hệ duy tâm này của giáo phái Bà la môn. Đối với Phật giáo, thế giới vốn tồn tại tự nó chẳng do ai sinh ra (vô tạo giả), con người chẳng qua chỉ là sự kết hợp giữa các duyên “danh” và “sắc” (tức “ngũ uẩn” hay “lục đại”) tạo ra. Nếu so

với sự trường tồn của thế giới thì cuộc đời của mỗi người là quá ngắn ngủi đến mức hầu như chỉ tồn tại thoáng qua (vô ngã). Vô ngã trên thực tế là một phần của quy luật vô thường. Quy luật của vô thường là sinh – trụ - dị - diệt hay Thành – trụ - hoại – không. Cuộc đời của con người cũng giống như vạn vật không thoát khỏi quy luật vô thường đó. Độ dài ngắn của cuộc đời con người trên thực tế chỉ mang tính ước lệ. Nếu loại bỏ được sự ham muốn (tham, sân, si) thì chúng ta sẽ dễ dàng nhận thấy đời người là “vô ngã, vô thường” (tạm thời và luôn thay đổi, “chư hành vô thường, chư thức vô ngã”). Từ đó, Phật giáo tin rằng: một khi chúng ta nhận thức được cuộc đời là vô ngã, vô thường thì nó cũng giúp chúng ta thay đổi về mục đích, lối sống và các chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống. Thay vì việc đeo đuổi một mục đích và lối sống tranh đoạt, ích kỷ cho cá nhân, cho bản thân mỗi người chúng ta sẽ tự nguyện lựa chọn một cuộc sống xả thân, dâng hiến cho cộng đồng, cho đồng loại. Trong lối sống này mọi nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức ích kỷ truyền thống sẽ bị lên án và thay vào đó bằng các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức mới – đạo đức của lối sống cộng đồng bền vững hay đạo đức sinh thái.

4. Kết luận

Là một trong những tôn giáo lớn vào bậc nhất trên thế giới nên những di sản tư tưởng mà Phật giáo để lại cho nhân loại có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong đó có tư tưởng về đạo đức học sinh thái. Đạo đức học sinh thái của Phật giáo ra đời dựa trên các học thuyết triết học căn bản của Phật giáo như: Thuyết duyên khởi, Thuyết vạn vật bình đẳng, Thuyết nhân nhân quả báo ứng, v.v.. với các nguyên tắc căn bản như: thực hiện lối sống thân thiện với môi trường và đề cao chuẩn mực đạo đức hiếu sinh, không sát sinh; Khơi dậy Phật tính,

tránh xa sân hận; Tạo dựng nghiệp thiện, tránh xa nghiệp ác; và nhận thức cuộc đời là vô ngã, vô thường, v.v.. Nghiên cứu đạo đức sinh thái trong triết học Phật giáo hiện nay có ý nghĩa to lớn không chỉ góp phần làm sáng tỏ thêm một số nội dung tư tưởng vốn có trong triết học Phật giáo lâu nay ít được các nhà nghiên cứu quan tâm mà từ kết quả nghiên cứu này giúp chúng ta nhìn

nhận đánh giá tích cực hơn về vai trò của tôn giáo nói chung trong đó có Phật giáo trong sự nghiệp giáo dục ý thức đạo đức sinh thái, ý thức bảo vệ môi trường – một vấn đề cấp bách của nhân loại trong đó có Việt Nam nói hiện nay⁸ □

⁸ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số QG.17.54

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 42*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] *Kinh Trung A Hàm, Kinh Phạm Chí A Nhiếp Hòa*, Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch. VNCPHVN ấn hành, 1992.
- [3] Joanthan Landaw (2006), *Lược truyện đức Phật Thích Ca* (Thích Chân Tính dịch). Nxb Tôn giáo.
- [4] Phương Lập Thiên (2005), “*Triết học sinh thái Phật giáo và ý thức sinh thái hiện đại*”, Tạp chí *Huyền Trang Phật học nghiên cứu* (Đài Loan), kỳ 2
- [5] Thanh Vân - Nguyễn Duy Nhường (1993), *Từ điển danh ngôn Đông Tây*. Nxb Văn Hóa, Hà Nội.
- [6] [https://vi.wikipedia.org/wiki/Nghi%E1%BB%87p_\(Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nghi%E1%BB%87p_(Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o))

Abstract

Ecological morality in Buddhism philosophy

Based on all the basic philosophies such as interdependent, equitable theory of everything, the retributive theory of cause and effect, Buddhism has constructed all the principles and standards for the basic ecological morality such as implementing environmentally friendly lifestyles, arousing Buddhist personalities, avoiding revenges and angers, building up good karma, avoiding bad karma and perceiving the life as non-ego, and impermanence.... This has great significance, not only in the Buddhism itself, but also in the cause of ecological moral education for mankind within the contemporary contexts.

Keywords: *philosophy, dependent origination, cause and effect, Buddhism, ecological, morality*